

trung một cách mạnh mẽ, đủ năng lực đánh đổ những chuyện tà quấy, chẳng phải như kẻ không tu hành, bị lòng tham dục điều khiển, mặc dầu biết đó là quấy, cũng không thể cưỡng lại được.

Hễ phá được vô-minh tức là phá được nguồn gốc mê lầm.

101. V. Suy nghĩ chánh lý tiếng Hán-Việt gọi là gì ?

Đ. Gọi là « Chánh-tư-duy ».

102. V. Chánh-tư-duy có phải là trí-huệ quán-chiếu chăng ?

Đ. Phải mà không phải, bởi vì « Chánh-tư-duy » là bậc tu của Tiểu-thừa, mới bắt đầu mở trí-huệ. Còn trí-huệ quán-chiếu là bậc tu của Đại-thừa, đã có trí-huệ và biết vận-dụng trí-huệ ; vì lẽ đó nên phải mà không phải.

Nhưng, từ Chánh-tư-duy mà bước qua trí-huệ quán-chiếu, chỉ có một con đường đi từ dưới lên trên, và cũng chỉ có một phương-pháp, nhưng khác chỗ diệu-dụng.

103. V. Trí-huệ nghĩa là gì ?

Đ. Nghĩa là cái trí sáng-suốt, biết biện phân các pháp một cách rành-rẽ.

Hễ dùng trí-huệ mà soi-xét vấn-đề nào, thì vấn-đề đó bị phân tách, bị giải-phẫu (mở xẻ) từng li từng tí, nguyên lý của vũ-trụ vạn hữu, hiện ra trong trí của mình một cách rõ rệt, lý hiệp với trí, trí hiệp với lý, trong ngoài như một, trên dưới không hai, cao thấp chẳng khác, các pháp đều như như bình đẳng, chẳng một chẳng hai.

104. V. Ông đã nói huệ rồi, còn Định là sao ?

Đ. Nghĩa là nhứt tâm, không nhớ tưởng việc gì khác hơn vấn-đề mình đang quán-chiếu (soi-xét).

105. V. Tại sao phải định rồi mới dùng trí-huệ mà quán-chiếu được ?

Đ. Nếu soi-xét mà không tịnh định, thì tạp tưởng (1), làm rối loạn, vọng niệm tứ tung, làm sao tĩnh trí cho có sự sáng-suốt mà tìm chơn-lý.

106. V. Trong sách dạy tham-thiền có nói : Tĩnh tịch rồi tinh tĩnh ; tinh tĩnh rồi tịch tịch, là ý nghĩa ra sao ?

Đ. Cái đó nói về cách tham-thiền theo nghĩa định huệ. Tĩnh tịch là lặng lặng, tức là định. Tinh tĩnh là sáng sáng, tức là huệ.

Nghĩa là trước khi soi-xét, tâm phải cho lặng lặng, không một tạp-tưởng (vọng-niệm) nào dấy lên, rồi mới khởi công quán-xét. Khi quán-xét được một lúc thì phải lặng lặng (tịch tịch) trở lại.

Cứ thay đổi nhau, hết lặng tới quán, hết quán tới lặng, nghĩa là hết huệ tới định, hết định tới huệ.

107. V. Tại sao phải thay đổi định huệ như vậy ?

Đ. Bởi vì, nếu định lâu thì sanh hôn-trầm, còn huệ lâu thì sanh tạp-tưởng. Phải luân phiên thay đổi như vậy, để tránh hôn-trầm và tránh tạp-tưởng.

(1) Tạp-tưởng : là tư-tưởng tạp-nhập, nhiều mối rối như tơ vò.

Định huệ thay phiên nhau cho đều như vậy, đừng cho cái nào hơn cái nào kém.

108. V. Xin ông cho tôi một cái thí-dụ : tại sao định lâu không được, mà huệ nhiều cũng chẳng xong ?

Đ. Thí-dụ như con mắt, khi nào chăm chỉ để xem, thì thấy rõ ràng, nhưng nếu chăm chỉ quá lâu, con mắt mỏi, thành ra thấy bậy. Cũng như thế, nếu mình tập trung tư-tưởng và đứng lặng yên một chỗ, không tưởng việc gì khác, một hồi lâu phải mê man tinh-thần bắt ngủ gục, hay là hôn-hôn trăm-trăm như kẻ mê tâm. Trái lại, tâm mình được sáng-suốt trong lúc soi-xét, thì những chơn-lý hiện ra một cách tỏ tường đủ biện chứng. Nhưng, nếu ở đó mà soi-xét lâu, thì tinh-thần mệt-mỏi, vọng-niệm xen vào, chẳng những không thành vấn-đề nào cả, mà càng xét lại càng tăng thêm vọng-niệm chớ không ích gì.

109. V. Tại sao định huệ phải cân phân cho đồng, không được cái nào hơn cái nào kém ?

Đ. Bởi vì trong sách Phật có nói : « Định đa huệ thiểu lãng-trưởng vô-minh, định thiểu huệ đa lãng-trưởng là-kiến ». Nghĩa là : định nhiều huệ ít thì tăng thêm sự tối tăm mê muội. Còn định ít huệ nhiều, thì tăng thêm tà-kiến tức là sự thấy biết không được chơn-chánh.

110. V. Định huệ của ông giải đây nhằm ở mục nào ? Bắt cứ lúc nào cũng định huệ được hết, hay chỉ dùng trong lúc tham-thiền mà thôi ?

Đ. Định huệ theo chỗ bày giải ở đây, thuộc về bậc Trung, phần nhiều câu chuyện văn đáp hôm nay cũng căn-cứ theo bậc này mà thảo-luận.

Định huệ theo giờ khắc tham-thiền, đó là bậc trung. Đối với bậc Thượng, người ta đã kiến-tánh rồi, thì định huệ không phân giờ khắc. Bất cứ đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống gì cũng có định huệ luôn.

111. V. Người tu về pháp môn Tịnh-độ, cầu vãng sanh Tây-phương, có cần phải học Giới, Định, Huệ chăng ?

Đ. Cái đó thì không ép. Nhưng người nào muốn học hỏi về môn này thì càng tốt chớ sao. Chẳng những người tu về môn Tịnh-độ, mà chính người tu về Thiên-tông, nếu chưa kiến-tánh cũng nên học Giới, Định, Huệ nữa.

112. V. Pháp môn Tịnh-độ, phần nhiều mấy bà giữ có năm giới, nay ông khuyến-khích giữ mười giới, như vậy có sai kinh luật chăng ?

Đ. Không hề sai kinh luật bao giờ, bởi vì có giữ mười giới mới là đúng theo Tịnh-Độ-Tông. Kinh bảo như vậy mà tại mình giữ có năm giới, nghĩa là giữ có phân nửa, chưa gọi là đủ.

113. V. Kinh nào dạy tu Tịnh-độ mà phải giữ mười giới ?

Đ. Trong kinh Di-Đà, đức Phật có nói : Chốn Tây-phương không có kẻ ngũ nghịch thập ác. Lời nói này có ý cho chúng ta biết rằng muốn tránh thập ác, thì phải giữ thập thiện, tức là mười giới cấm đó.